

# CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

## NHỮNG THÁCH THỨC VỚI PHỤ NỮ VIỆT NAM

ThS. Trần Thị Huệ

Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, tỉnh Bắc Ninh

**T**heo Báo cáo Điều tra Lao động việc làm quý IV/2017 của Tổng cục Thống kê, Việt Nam có gần 26,5 triệu lao động là nữ, chiếm 47,9% trong tổng lực lượng lao động của cả nước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ Việt Nam là 72%, đây là tỷ lệ cao hơn mức trung bình thế giới (49%), mức trung bình của khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (59%) và nhóm các nước thu nhập trung bình thấp (39%).

Giờ đây, trong cuộc sống hiện đại, phụ nữ Việt Nam không còn đơn thuần giữ vai trò "nội trợ" trong gia đình, mà họ đã khẳng định được vai trò, vị trí và khả năng của mình ở tất cả các lĩnh vực trong xã hội. Tại cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, tỷ lệ phụ nữ tham gia đại biểu Quốc hội đạt 26,8%, tăng 2,71% so với khóa XIII. Có 25 tỉnh, thành phố có tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội đạt trên 30%. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 cũng tăng hơn so với nhiệm kỳ trước: Cấp tỉnh đạt 26,46%, tăng 1,29%; cấp huyện đạt 27,51%, tăng 2,89%; cấp xã đạt 26,70%, tăng 4,99%.

Trong lĩnh vực kinh doanh, số lượng phụ nữ tham gia điều hành, quản lý doanh nghiệp, khởi nghiệp ngày càng tăng. Theo số liệu thống kê từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp,

*Việt Nam là một trong những nước có lao động nữ tham gia thị trường lao động chiếm tỉ lệ cao so với thế giới. Với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ mới và kỹ thuật số, cuộc CMCN 4.0 mang lại cho phụ nữ Việt Nam không chỉ những cơ hội mà còn cả không ít thách thức.*

tính đến hết năm 2016, cả nước có trên 200 nghìn doanh nghiệp có nữ giới tham gia thành lập doanh nghiệp, chiếm 28,5% tổng số doanh nghiệp của cả nước, với tổng số vốn đăng ký 2,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 18% tổng số vốn đăng ký của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Một nghiên cứu do tổ chức nghiên cứu thị trường Development Economics và YouGov thực hiện trong năm 2017 cũng cho thấy, 80% phụ nữ Việt Nam muốn thành lập doanh nghiệp. Những con số trên cho thấy phụ nữ Việt Nam có tinh thần khởi nghiệp khá cao.

Còn theo Báo cáo khoảng cách giới toàn cầu năm 2017 của Diễn đàn Kinh tế thế giới cho thấy, phụ nữ Việt Nam đã có bước trưởng thành đáng kể và có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội: Hơn 60% lao động nữ điều hành và quản lý trong tổng số hơn 4 triệu hộ kinh tế gia đình ở nông thôn.

Sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế, tài chính và xã hội cho thấy bình đẳng giới

đã đạt kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng bền vững của nước ta.

Việt Nam đang ở trong kỷ nguyên phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (CMCN 4.0) với những đột phá chưa từng có về công nghệ. Theo đó, toàn bộ quy trình cung ứng đầu vào, sản xuất đến cung cấp dịch vụ cho khách hàng trong nền kinh tế được kết nối chặt chẽ, thực hiện từ xa, góp phần tăng năng suất, tiết kiệm thời gian, giảm đáng kể chi phí giao dịch, vận chuyển, tài nguyên và giải phóng sức lao động của con người.

Với CMCN 4.0, trước hết, là người gánh vác việc nhà tại các gia đình, phụ nữ sẽ được giải phóng sức lao động nhờ sự xuất hiện và phát triển của công nghệ, nhiều thiết bị thông minh trong công việc nội trợ. Quan trọng hơn, CMCN 4.0 mang lại nhiều cơ hội cho phụ nữ phát huy năng lực, nắm bắt xu hướng phát triển của khoa học công nghệ, từ đó giúp họ vượt qua những chuyển biến của nền kinh tế, tiếp tục phát huy

vai trò của mình trong xã hội ở các lĩnh vực khác nhau. Khi các ứng dụng công nghệ cao được sử dụng một cách phổ biến và nhuần nhuyễn hơn, phụ nữ Việt Nam vừa có thể ở nhà quán xuyến việc gia đình, vừa tham gia công việc từ xa hay ngược lại.

Tuy nhiên, là nền tảng cho nền kinh tế chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình dựa vào tài nguyên, lao động chi phí thấp sang kinh tế tri thức, CMCN 4.0 cũng đang tạo ra không ít thách thức cho phụ nữ Việt Nam. Với sự phát triển của cuộc cách mạng này, nền kinh tế sẽ có trình độ tự động hóa cao và có tính sáng tạo, đòi hỏi người lao động phải có trình độ học vấn và chuyên nghiệp. Đây là một trong những trở ngại lớn đối với lao động nữ nước ta, bởi nếu người lao động không thích ứng nhanh với sự thay đổi của sản xuất sẽ bị dư thừa, thất nghiệp.

Trên thực tế, trình độ đào tạo của lao động nữ ở nước ta còn khá thấp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến quý IV/2017, số lao động nữ không có trình độ chuyên môn đào tạo lên tới gần 21,4 triệu người, chiếm 80,8% trong tổng số lao động nữ hiện nay. Số lao động nữ có trình độ cao đẳng và đại học chỉ là 3,6 triệu người, chiếm tỷ lệ 13,6%. Tỷ lệ phụ nữ tiếp cận với công nghệ và kỹ thuật số cũng thấp hơn đáng kể so với nam giới. Bên cạnh đó, phần lớn lao động nữ chưa được đào tạo các kỹ năng mềm hay được trang bị các kỹ năng chưa phù hợp với đòi hỏi của thị trường lao động. Với trình độ đào tạo thấp như vậy, lao động nữ thường gặp khó khăn trong việc sử dụng, vận hành những phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại.

Do có trình độ chuyên môn thấp nên lao động nữ hiện đang yếu thế hơn lao động nam về nhiều mặt, trước hết về khả năng

tiếp cận việc làm. Tính đến quý IV/2017, số lao động thiếu việc làm từ 15 tuổi trở lên ở nữ là 412,4 nghìn người, chiếm 1,56% trong tổng số lực lượng lao động của nước ta, trong khi số lao động thiếu việc làm ở nam chỉ là 387,9 nghìn người.

Mặc dù tính chung cả nước, số lao động thất nghiệp của nam cao hơn nữ nhưng số lao động nữ được đào tạo thất nghiệp lại cao hơn nam, và mức chênh lệch này càng nổi bật ở nhóm lao động có trình độ cao hơn. Trong tổng số 1110,7 nghìn lao động thất nghiệp của nước ta tính đến quý IV/2017, số lao động nữ có trình độ trung cấp chuyên nghiệp thất nghiệp là 31,3 nghìn người, chiếm 2,8%, trong khi tỷ lệ này ở lao động nam chỉ là 2,1% (23,9 nghìn người). Tương tự, số lao động nữ có trình độ

Dù có cùng trình độ, vị trí công việc như nam giới, thế nhưng thu nhập trung bình của lao động nữ luôn thấp hơn so với lao động nam. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, quý IV/2017, lương bình quân tháng của lao động nam là gần 5,6 triệu đồng, còn của lao động nữ chỉ là 5,1 triệu đồng.

Bất bình đẳng trong thu nhập là một trong những nguyên nhân chủ yếu khiến phụ nữ phải làm những công việc có điều kiện làm việc kém, thời gian làm việc dài hơn. Theo báo cáo Tổng quan về lao động nữ tại Việt Nam do Mạng lưới Hành động vì Lao động di cư (Mnet) công bố, nước ta có khoảng 7,8 triệu lao động nữ đang làm việc trong khu vực phi chính thức với điều kiện lao động không đảm bảo. Ngoài ra, trong khu vực doanh nghiệp đầu tư nước ngoài,



cao đẳng chuyên nghiệp thất nghiệp là 3,3% (37,1 nghìn người) so với 2,3% (26,2 nghìn người) ở nam. Còn số lao động nữ có trình độ đại học trở lên thất nghiệp là 116,2 nghìn người (10,4%), cao hơn con số 99,1 nghìn người ở nam (8,9%).

Ngoài ra, lao động nữ cũng đang phải đối mặt với bất bình đẳng trong việc tạo thu nhập.

lao động nam có tỷ lệ ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn lên tới 73,91%, trong khi với lao động nữ chỉ là 67,67%.

Mặt khác, do gặp nhiều khó khăn và rào cản như trách nhiệm với gia đình và sự thiên vị trong thăng tiến mà lao động nữ đang ở vị thế thấp hơn nam trong cơ cấu việc làm. Trong tổng số gần

26 triệu lao động nữ từ 15 tuổi có việc làm thì chỉ có 0,6% trong số đó làm lãnh đạo, và 41% lao động làm công việc giản đơn.

Những đòi hỏi về lao động có trình độ chuyên môn và tính chuyên nghiệp cao của CMCN 4.0 đang dẫn tới nguy cơ bất bình đẳng giới ngày càng tăng về cơ hội việc làm, thu nhập, điều kiện làm việc, cơ hội phát triển nghề nghiệp... Từ đó, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống của lao động nữ.

Nguy cơ phá vỡ thị trường lao động từ tác động của CMCN 4.0 sẽ được thể hiện rõ nhất trong những ngành nghề sử dụng nhiều lao động thủ công, trong đó phụ nữ chiếm một tỷ lệ đông đảo. Cụ thể là những ngành dệt may, da giày, chế biến thủy sản...

Một nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được tiến hành tại 5 nước ASEAN cho thấy, lao động nữ chiếm trên 70% lực lượng lao động của các ngành xuất khẩu chính như dệt may, da giày, điện tử và 64% lao động trong các khu công nghiệp. Ở Việt Nam, tỷ lệ lao động nữ trong ngành dệt may, da giày rất cao, chiếm tới trên 80% tổng số lao động mỗi ngành. Trong tương lai gần, các thiết bị thông minh, robot sẽ làm giảm đáng kể lao động trong những ngành này. Báo cáo của Tổ chức Lao động quốc tế công bố tháng 7/2016 cho thấy, Việt Nam có đến 86% lao động trong các ngành dệt may và giày dép có nguy cơ mất việc rất cao do tác động của những đột phá về công nghệ do cuộc CMCN 4.0 đem lại.

Cuộc CMCN 4.0 là xu thế tất yếu, bắt buộc phải thích nghi. Do vậy, để nắm bắt được những cơ hội và vượt qua các thách thức trên, lao động nữ cần chủ động nâng cao nhận thức thông qua việc tự học tập, tự trang bị kiến thức từ các kênh truyền thông đại chúng. Đồng thời, lao động nữ cần chủ động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật bằng việc tham gia các khóa đào tạo về những ngành nghề có khả năng tăng trưởng cao, liên quan đến sản xuất bằng tự động hóa, kỹ thuật số, công nghệ thông tin, năng lượng và vật liệu mới, công nghệ sinh học... Trang bị kỹ năng mềm, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ... để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/.

# HƯỚNG ĐI MỚI VỀ VẤN ĐỀ GIÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

**Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng già hóa dân số. Bên cạnh những tác động tích cực, già hóa dân số đặt ra nhiều thách thức ở tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng.**

**T**ừ năm 2017, vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam đã bước vào giai đoạn đáng quan tâm. Nếu như cách đây 5 năm (năm 2012), dân số Việt Nam từ 60 tuổi trở lên là 10,19% (tương đương 9,02 triệu người) thì đến năm 2017 là 13,52% (tương đương với 11,24 triệu người) và dự báo đến năm 2037 số người từ 60 tuổi trở lên sẽ tăng gấp 2,8 lần, đạt khoảng 19,1 triệu người, chiếm khoảng gần 18% dân số.

Là một trong những tỉnh đông dân nhất cả nước, Nghệ An đang có những giải pháp tích cực “ứng phó” với già hóa dân số trong hiện tại và tương lai. Theo số liệu từ Cục Thống kê tỉnh Nghệ An, năm 2017 dân số trung bình của tỉnh là trên 3,1 triệu người, trong đó dân số từ 60 tuổi trở lên chiếm 12,98%, (tương đương với hơn 0,4 triệu người), tăng 2,55% so với năm 2012. Đáng lưu ý là tuổi thọ trung bình toàn tỉnh tăng lên đáng kể trong 5 năm qua.

**Tuổi thọ trung bình của Nghệ An (2012 - 2017)**

| Năm  | Tuổi thọ TB<br>(năm) | Phân theo giới tính (năm) |       |
|------|----------------------|---------------------------|-------|
|      |                      | Nam                       | Nữ    |
| 2012 | 72,31                | 69,69                     | 75,10 |
| 2014 | 72,52                | 69,90                     | 75,29 |
| 2015 | 72,54                | 69,92                     | 75,31 |
| 2016 | 72,65                | 70,04                     | 75,42 |
| 2017 | 73,02                | 70,42                     | 75,78 |